

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH LẮK ĐẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST

Ngày: 30/9/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/DS – ST, ngày 07/06/2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – C/v: Chủ tịch hội đồng quản trị. Địa chỉ: số 35 B, quận H, tp.N.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phạm Văn C – C/v: Giám đốc chi nhánh L. Địa chỉ: Số 55 N, TT. E, huyện E, tỉnh Đ.

- Người được ông Phạm Văn C ủy quyền lại: Ông Vũ Tấn D – C/v: Phó Giám đốc chi nhánh L và ông Nguyễn Anh Q – C/v: Giám đốc phòng giao dịch K. (có mặt)

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị G. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. (vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh U, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn P1 Cùng trú tại: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 05 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/09/ 2018 ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/10436398/HĐTD, với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt: Ngân hàng) số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 27/09/2018 đến 27/08/2019; mục đích phục vụ việc chăn nuôi bò thịt; lãi suất trong hạn là 10,5%/ năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông N, bà G có thế chấp cho Ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 857564, diện tích 2248,5m<sup>2</sup>, thửa số 10, tờ bản đồ số 49, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/7/2014, cùng các tài sản trên đất.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông N, bà G đã trả tiền lãi là 11.348.630 đồng. Đến ngày 30/9/2021, dư nợ gốc là 150.000.000đ; lãi trong hạn 3.063.699 đồng; lãi quá hạn 50.333.176 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông N, G không thực hiện. Do đó, Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã niêm yết, tổng đạt các thủ tục tố tụng để bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt tại địa phương, không tham gia tố tụng tại tòa án. Do đó, căn cứ điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc chấp hành đúng quy định tại tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 399, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10436398/HĐTD, ngày 27/9/2018. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G có nơi cư trú tại Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Tuy nhiên, tại Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông N, bà G thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn là cơ quan giải quyết tranh chấp. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông N, bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 30/09/2021 sau khi đã khấu trừ 11.348.630 đồng đã trả trước, còn lại 53.396.875 đồng (trong đó, lãi trong hạn 3.063.699 đồng; lãi quá hạn 50.333.176 đồng).

Xét thấy, ngày 27/9/2018, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G với Ngân hàng thương mại cổ phần A có xác lập Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10436398/HĐTD, để vay số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 27/09/2018 đến 27/08/2019; mục đích phục vụ việc chăn nuôi bò thịt; lãi suất trong hạn là 10,5%/ năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà G, ông N, mới trả được 11.348.630 đồng tiền lãi. Đến ngày 27/8/2019, là ngày đến hạn trả nợ gốc, nhưng không thanh toán nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Như vậy, cho đến thời điểm hiện tại mặc dù các khoản vay đã quá hạn từ lâu nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các nội dung cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 150.000.000 đồng vay gốc, tiền nợ lãi tạm tính đến 30/09/2021 là 53.396.875 đồng (trong đó, lãi trong hạn 3.063.699 đồng; lãi quá hạn 50.333.176 đồng).

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản thế chấp để

thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/10436398/HĐBĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017.

Trường hợp, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì ngân hàng có trách trả lại các tài sản đã thế chấp cho ông N, bà G.

**[6]** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G phải trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho nguyên đơn.

**[7]** Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

+ Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 203.396.875 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 01/10/2021, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G còn phải chịu lãi trên tổng số nợ gốc phải trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, mức lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/10436398/HĐTD ngày 27/9/2018.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ đối với các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/10436398/HĐBĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017.

Trường hợp, ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì ngân hàng có trách trả lại các tài sản đã thế chấp cho ông N, bà G.

**2. Về chi phí tố tụng:** Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

**3. Về án phí:** Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.169.843 đồng (Mười triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng). Theo cách tính  $203.396.875 \text{ đồng} \times 5\%$ .

Trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 4.810.428 đồng (Bốn triệu, tám trăm mười nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005400, ngày 07/6/2021.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện Ea Kar.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Hoàng Trí Lý**